

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN DŨNG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DSST

Ngày 15-5-2024

"V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thái Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Ngọc Biên, ông Nguyễn Văn Thái.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Mông Anh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị V**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: **Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: **Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị **Trần Thị V** trình bày:*

Chị kết hôn với anh **Nguyễn Văn P** vào năm 2004, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã được Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng giải quyết cho ly hôn vào năm 2015. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 47/2015/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng đã công nhận chị **Trần Thị V** và anh **Nguyễn Văn P** thuận tình ly hôn ngoài ra còn ghi nhận việc thỏa thuận nuôi con chung (mỗi người nuôi một con). Về tài sản, công nợ các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn xong, chị và anh Nguyễn Văn P không thỏa thuận được về việc chia tài sản chung nên đầu năm 2023 chị đã khởi kiện vụ án ra Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị và anh P thỏa thuận được với nhau về chia tài sản chung. Cụ thể là anh P đồng ý trả cho chị 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và chị đồng ý cho anh P được sở hữu nhà và đất tại thôn T, xã L, huyện Y. Ngày 30/5/2024 anh P đã giao cho chị số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), còn nợ lại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), hẹn trong vòng 01 tháng sau khi đã làm xong thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh P trả nốt số tiền trên. Chị và anh P nhất trí với phương án trên và cùng ký vào biên bản nhận tiền ngày 30/5/2023. Cùng ngày 30/5/2023 chị có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện nên Tòa án đã ban hành Quyết định số 33/2023/QĐST-HNGĐ đình chỉ giải quyết vụ án (*các bên không yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận bằng quyết định mà tự thỏa thuận ngoài với nhau*).

Sau khi anh Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, khoảng 02 tháng sau không thấy anh P trả nốt số tiền 10.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Chị đã liên hệ đòi anh P số tiền này nhưng anh P không chịu trả. Nay chị V khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn P phải trả nốt số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu đòi tiền lãi.

*Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:* Anh nhất trí với lời khai của chị V về thời điểm kết hôn, thời điểm ly hôn và việc thỏa thuận giữa anh và chị V như nội dung chị V trình bày.

Tuy nhiên anh không đồng ý với lời khai của chị V về việc anh còn nợ chị V số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lời khai này của chị V là không đúng sự thật. Lý do là, sau khi hai bên tự thỏa thuận về chia tài sản chung và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Khoảng hơn 02 tháng sau, chị V có sang nhà anh tại thôn T, xã L để đòi số tiền 10.000.000 đồng. Anh không nhớ cụ thể là vào ngày tháng nào nhưng thời gian là buổi trưa khi anh vừa đi làm về thì thấy chị V đứng ở sân nhà anh, con gái anh là cháu Nguyễn Thị Mai U, sinh năm 2006 có nói với anh là “mẹ sang lấy tiền”. Sau đó anh đã vào nhà lấy số tiền 10.000.000 đồng ra trả cho chị V, chị V nhận đủ tiền và đưa lại cho anh 01 giấy thỏa thuận ngày 30/5/2023. Anh thấy trong giấy này có chữ ký của mình nên đã tin tưởng và xé (hủy) giấy đi mà không kiểm tra lại xem đó là giấy gốc hay giấy phô tô. Ngoài ra giữa hai bên không ký kết với nhau bất kỳ văn bản giao nhận tiền nào khác. Sự việc có con gái của anh là cháu U chứng kiến nhưng cháu U không biết số tiền anh đã đưa cho chị V là bao nhiêu, do cháu U chưa thành niên nên anh đề nghị Tòa án không đưa cháu vào tham gia tố tụng trong vụ án. Nay chị V kiện đòi số tiền 10.000.000 đồng thì anh không đồng ý trả nữa.



Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 117, 118, 119, 120, 163, 164, 166, 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 402, 463, 466 Bộ luật dân sự: Buộc anh Nguyễn Văn P phải trả cho chị Trần Thị V số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Văn P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Trần Thị V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn P là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, do các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn P là người có địa chỉ thường trú tại thôn T, xã L, huyện Y. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### [1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngày 30/5/2023 chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn P ký kết một văn bản thỏa thuận, theo đó anh Nguyễn Văn P phải trả cho chị Trần Thị V số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Anh P đã trả được 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), còn nợ lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hai bên ký văn bản thỏa thuận là sau 01 tháng kể từ ngày 30/5/2023 khi anh P đã làm xong thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh P phải trả nốt cho chị V số tiền 10.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh P không thực hiện cam kết trả nốt số tiền trên cho chị V. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 166 Bộ luật dân sự. Tranh chấp thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:**

Căn cứ văn bản ký kết giữa các bên là giấy giao nhận tiền đề ngày 30/5/2023 thể hiện: Anh Nguyễn Văn P là bên giao tiền, chị Trần Thị V là bên nhận tiền. Số tiền đã bàn giao là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), số tiền còn lại là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thời hạn phải trả nốt tiền là “Sau khi hoàn thành thủ tục sang tên đất trong vòng 01 tháng. Anh Nguyễn Văn P sẽ giao đủ số tiền trên cho chị Trần Thị V”, không thỏa thuận lãi suất, không có tài sản đảm bảo.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả hai bên đều có lời khai phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, nội dung thỏa thuận, số tiền phải trả cho nhau, số tiền trả, số tiền còn nợ. Căn cứ tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, lời khai tại phiên tòa, qua tranh luận công khai. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận giữa các bên là có thật vì được cả hai bên thừa nhận, đây là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Do vậy việc nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản là phù hợp với cam kết của các bên tại văn bản ký kết ngày 30/5/2023 và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 401 Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự quy định:

*“Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự*

*2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”.*

Tại Điều 401 Bộ luật Dân sự quy định:

*“Điều 401. Hiệu lực của hợp đồng*

*1. Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác.*

*2. Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật”.*

**[3] Về ý kiến của bị đơn:**

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn P luôn khẳng định là đã trả đủ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho chị Trần Thị V theo như cam kết. Tuy nhiên xét thấy đây chỉ lời khai một phía của anh P, lời khai này không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa phía anh P không đưa ra được căn cứ pháp lý nào để chứng minh cho lập luận của mình, mặt khác chị Trần Thị V không thừa nhận



đã được nhận 10.000.000 đồng như anh **P** khai. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của anh **Nguyễn Văn P**.

Từ những nội dung và căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu đòi tiền của chị **Trần Thị V** là có căn cứ nên yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vấn đề tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu giải quyết về vấn đề tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[4] Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là anh **Nguyễn Văn P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 115; Điều 116; Điều 155; Điều 166; Điều 357; Điều 401; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị V**: Buộc anh **Nguyễn Văn P** phải trả chị **Trần Thị V** số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Anh **Nguyễn Văn P** phải chịu 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị **Trần Thị V** số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0000457 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thái Sơn**